

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ GIANG

NGUYỄN HẢI THANH

1. Đặt vấn đề

Vấn đề hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho sinh viên luôn được đặt ra như một mục tiêu quan trọng trong giáo dục đại học, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay. Trong đó, giáo dục nhân cách cho sinh viên dân tộc ít người tại các trường sư phạm lại càng đặt ra những yêu cầu cấp thiết, với phương châm giáo dục con người một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội, tạo nên sự đồng đều trong giáo dục giữa miền ngược với miền xuôi, giữa miền núi và đồng bằng. Vì vậy, hiểu biết đầy đủ về đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người là vấn đề cấp thiết hiện nay, nhất là sinh viên dân tộc ít người đang học tại các trường sư phạm ở vùng cao.

2. Vài nét khái quát về nhân cách và đặc điểm nhân cách

2.1. Khái niệm nhân cách

Theo nhà tâm lý học Liên Xô cũ A. N. Lêônchiev, nhân cách là một cấu tạo tâm lý mới, được hình thành trong các quan hệ sống của cá nhân, do hoạt động của người đó cải biến đi mà thành (Lêônchiev, 1989, tr. 197). Ở Việt Nam, các nhà nghiên

cứu thường đề cập đến nhân cách trên hai mặt: đức và tài; đức thể hiện ở lĩnh vực đạo đức, còn tài là tài năng, tức năng lực ở con người. Vì vậy, tác giả Nguyễn Quang Uẩn viết: “Nhân cách là tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý quy định bản sắc và giá trị xã hội của con người” (Nguyễn Quang Uẩn, 1998, tr. 155).

Theo tác giả Nguyễn Quang Uẩn, lĩnh vực đạo đức của nhân cách gồm những phẩm chất chính sau đây:

- Phẩm chất xã hội (đạo đức - chính trị): Thế giới quan, niềm tin, lý tưởng, lập trường, thái độ chính trị, thái độ lao động...

- Phẩm chất cá nhân (đạo đức - tư cách): Các tính nết, thói quen...

- Phẩm chất ý chí: Tính kỷ luật, tự chủ, tính mục đích, tính phê phán, tính quả quyết...

- Cung cách ứng xử: Tác phong, lễ tiết, tính khí...

Riêng lĩnh vực tài, tức năng lực gồm có:

- Năng lực xã hội hóa: Khả năng thích ứng, năng lực sáng tạo, cơ động...

- Năng lực chủ thể hóa: Khả năng biểu hiện tính độc đáo, đặc sắc...

- Năng lực hành động: Khả năng hành động có mục đích, có điều khiển...

- Năng lực giao tiếp: Khả năng thiết lập và duy trì quan hệ với người khác (Nguyễn Quang Uẩn, 1998, tr. 159).

Như vậy, nhân cách được hiểu là hiện tượng tâm lý của con người, bao gồm hai lĩnh vực chính là đạo đức và tài hay năng lực, được hình thành trong quá trình lao động, học tập và rèn luyện, quan hệ tiếp xúc trong xã hội...

2.2. Khái niệm đặc điểm nhân cách

Theo Từ điển tiếng Việt, đặc điểm có nghĩa là nét riêng biệt, do đó, có thể hiểu đặc điểm nhân cách là những nét tâm lý riêng biệt của con người. Bởi vậy, nhà tâm lý học người Mỹ G. Allport đã khẳng định: “Nét nhân cách là một hệ thống tâm lý thần kinh khái quát và tập trung (riêng cho mỗi cá nhân), tạo điều kiện đáp lại nhiều kích thích như nhau về mặt chức năng, gây ra và định hướng các hình thức thích nghi và biểu hiện tương ứng” (Allport, 1983, tr. 67-68). Theo nhà tâm lý học người Anh H. J. Eysenck (1916 - 1997), đặc điểm nhân cách là một tổ chức mang tính ổn định ít hay nhiều của tính cách, khí chất, trí tuệ và sinh lý cá nhân, quy định tính độc đáo của sự thích nghi đối với môi trường của nó (Eysenck, 1970). Còn nhà tâm lý học người Mỹ R. B. Cattell thì cho rằng, các đặc điểm nhân cách không đồng nhất với nhau, chúng khác nhau về quá trình hình thành, về khả năng thay đổi, và về vai trò trong cấu trúc nhân cách. Ông đã phân biệt các đặc điểm nhân cách thành hai nhóm: nhóm thứ nhất là các đặc điểm năng lực, tính

khí và động thái; nhóm thứ hai liên quan đến các đặc điểm bề ngoài và đặc điểm nguồn gốc (Cattell, 1983). Ở Việt Nam, tác giả Vũ Dũng cũng nhấn mạnh rằng, nét nhân cách được hiểu là đặc điểm tương đối bền vững của hành vi con người, lặp đi lặp lại trong những hoàn cảnh khác nhau [Vũ Dũng (Chủ biên), 2000].

Từ những hiểu biết trên, có thể đưa ra một định nghĩa về đặc điểm nhân cách như: Đặc điểm nhân cách là những thuộc tính của nhân cách, tạo nên đặc trưng của một cá nhân, giúp phân biệt được cá nhân này với các cá nhân khác, đặc điểm nhân cách tương đối ổn định và được thể hiện qua hoạt động. Trên cơ sở khái niệm này có thể thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người nhưng chủ yếu có hai yếu tố: khách quan và chủ quan. Yếu tố khách quan bao gồm: giáo dục, môi trường, bẩm sinh di truyền... trong đó, truyền thống dân tộc, giáo dục gia đình có ảnh hưởng nhiều nhất đến đặc điểm nhân cách của họ. Còn yếu tố chủ quan gồm: hoạt động của cá nhân, đặc điểm về mặt cá thể... Ở đây, hoạt động của cá nhân rất quan trọng, quyết định trực tiếp đến đặc điểm nhân cách mỗi sinh viên dân tộc ít người.

3. Một số đặc điểm nhân cách của sinh viên dân tộc ít người ở Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang

3.1. Một số đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người thể hiện qua kết quả nghiên cứu theo trắc nghiệm 16 yếu tố của R. B. Cattell

Qua nghiên cứu, kết quả được thể hiện ở bảng sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Kết quả nghiên cứu các đặc điểm nhân cách của sinh viên dân tộc ít người theo trắc nghiệm của R. B. Cattell

Yếu tố	Các yếu tố cụ thể	Kết quả	Điểm trung bình (n = 129)	Độ lệch chuẩn
<i>Các đặc điểm tư duy</i>				
B	Trí tuệ		5,279	1,199
M	Thực tế - viễn vọng		6,760	1,847
Q1	Bảo thủ - cấp tiến		6,992	1,890
Kết quả nhóm các đặc điểm tư duy			6,344	1,645
<i>Các đặc điểm ý chí - tình cảm</i>				
C	Tình cảm không ổn định - tình cảm ổn định		5,868	1,356
I	Cứng rắn - nhạy cảm		5,116	1,946
O	Tự tin - lo hãi		7,326	2,085
Q4	Yếu đuối - căng thẳng		6,217	1,824
Kết quả nhóm đặc điểm ý chí - tình cảm			6,132	1,803
<i>Các đặc điểm quan hệ liên nhân cách</i>				
A	Kín đáo - cởi mở		8,264	1,564
E	Lệ thuộc - chủ động		5,612	1,795
F	Tính trâm - biểu cảm		6,690	1,667
H	Nhút nhát - dũng cảm		5,946	1,962
L	Tin tưởng - nghi ngờ		6,093	1,817
N	Trực tính - ngoại giao		5,202	1,751
Q2	Tuân thủ - không tuân thủ		5,535	1,755
Kết quả nhóm đặc điểm quan hệ liên nhân cách			6,192	1,759
<i>Các đặc điểm tự kiểm soát và tự đánh giá</i>				
G	Tổ chất của tình cảm - chuẩn mực cao của hành vi		9,550	1,759
Q3	Tự kiểm soát thấp - tự kiểm soát cao của hành vi		6,426	1,968
MD	Tự đánh giá		7,589	1,951
Kết quả nhóm đặc điểm tự kiểm soát và tự đánh giá			7,855	1,893

Qua bảng kết quả, có thể đưa ra những nhận xét theo các đặc điểm nhân cách như sau:

a) Các đặc điểm tư duy

Mức độ thể hiện các đặc điểm trí tuệ nằm trong khoảng trung bình $\bar{X} = 6,344$; đặc biệt trong các đặc điểm thuộc tư duy, yếu tố có điểm số cao nhất là Q1. Kết quả đó cho thấy, đặc điểm tư duy nổi bật của sinh viên dân tộc ít người ở trường này là xu hướng cấp tiến, có khả năng phê phán với những quan điểm lạc hậu tạo nên lối sống lành mạnh.

b) Các đặc điểm ý chí, tình cảm

Đặc trưng nổi bật của các đặc điểm ý chí - tình cảm là yếu tố O = 7,326 (tự tin - lo hãi), thể hiện sự tự tin của sinh viên dân tộc ít người trong các mối quan hệ giao tiếp với thầy cô giáo, với các bạn đồng hoặc khác tộc trong học tập và các hoạt động khác. Hạn chế lớn nhất đối với nhóm đặc điểm ý chí - tình cảm là yếu tố I = 5,116 (cứng rắn - nhạy cảm).

c) Các đặc điểm quan hệ liên nhân cách

Điểm cao ở nhân tố A = 8,264, chứng tỏ họ là những người cởi mở, chân

thành, thẳng thắn và có quan điểm riêng, không phụ thuộc vào ý kiến của đa số, và trong giao tiếp họ luôn chủ động thể hiện quan điểm riêng, không rụt rè. Các yếu tố còn lại đều có điểm số trung bình cộng nằm trong khoảng trung bình, song, điểm hạn chế ở nhóm đặc điểm nhân cách này là yếu tố $N = 5,202$ (trực tính - ngoại giao).

d) Các đặc điểm tự kiểm soát, tự đánh giá

Trong nhóm các đặc điểm tự kiểm soát - đánh giá, nổi bật nhất là yếu tố $G = 9,55$ (tổ chất của tình cảm - chuẩn mực cao của hành vi). Điều đó có nghĩa, sinh viên dân tộc ít người giàu tình cảm, họ luôn hành động theo các chuẩn mực một cách có ý thức. Qua các yếu tố tự đánh giá $MD = 7,589$ (tự đánh giá), $Q3 = 6,426$ (tự kiểm soát thấp - tự kiểm soát cao của hành vi) cho thấy, sinh viên dân tộc ít người tự đánh giá đúng khả năng thực tế của họ.

Trên cơ sở nghiên cứu một số đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người tại Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang qua trắc nghiệm của R. B. Cattell với 16 yếu tố ảnh hưởng tới đặc điểm nhân cách nhóm sinh viên này, có thể đưa ra một số nhận định sau:

- Về điểm mạnh: Yếu tố nổi bật trong nhóm các đặc điểm tư duy thể hiện sự cấp tiến, đối với nhóm các đặc điểm ý chí - tình cảm là sự tự tin, còn nhóm đặc điểm quan hệ liên nhân cách có tính cởi mở và thân thiện luôn nổi trội. Bên cạnh đó, yếu tố hành vi có tính chuẩn mực cũng được thể hiện rất cao trong nhóm đặc điểm tự kiểm soát - tự đánh giá.

- Điểm hạn chế: Đó là tính cứng rắn - nhạy cảm chưa cao.

Kết hợp với một số nghiên cứu đã được thực hiện trước đó, có thể nêu lên một cách khái quát về đặc điểm nhân cách ở từng nhóm sinh viên theo dân tộc như sau:

** Sinh viên dân tộc Tày*

Đặc điểm nổi bật đối với nhân cách của nhóm sinh viên người Tày là trong nhóm đặc điểm tư duy có $Q1 = 7,255$ (bảo thủ - cấp tiến), chứng tỏ họ có tư duy tương đối cấp tiến. Họ muốn hướng đến các chuẩn mực mới của xã hội, không mong muốn duy trì những tập tục dân tộc không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Đối với các nhóm đặc điểm khác, ý chí - tình cảm ở họ có điểm nổi bật là sự tự tin ($O = 7,60$), trong các mối quan hệ liên nhân cách họ luôn thể hiện được sự cởi mở, thân thiện trong giao tiếp cũng như trong các mối quan hệ với những người xung quanh. Ngoài ra, họ cũng thể hiện được tổ chất tình cảm - chuẩn mực cao trong hành vi đối với nhóm đặc điểm tự kiểm soát - tự đánh giá.

** Sinh viên dân tộc Dao*

Điểm trung bình cộng của các đặc điểm tư duy nằm trong khoảng trung bình $\bar{X} = 6,354$ chỉ ra rằng, trong tư duy sinh viên dân tộc Dao không có đặc điểm nào nổi trội. Đối với các đặc điểm ý chí - tình cảm, điểm cao ở yếu tố $O = 7,333$ lại cho thấy, sinh viên dân tộc Dao có sự tự tin cao, kể cả chỉ số tin tưởng $L = 6,626$ (tin tưởng - nghi ngờ) trong nhóm các đặc điểm quan hệ liên nhân cách. Trong khi đó, điểm yếu nhất ở họ là yếu tố $Q3$ (tự kiểm soát thấp - tự kiểm soát cao của hành vi) trong nhóm các đặc điểm tự kiểm soát và tự đánh giá có chỉ số trung bình thấp hơn so với sinh viên dân tộc khác. Có thể do các đặc điểm tính cách của người Dao nói chung thường trực tính và thẳng thắn nên sinh

viên người Dao chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm của tính cách dân tộc họ.

** Sinh viên dân tộc Nùng*

Đặc điểm cao nhất đối với sinh viên người Nùng là yếu tố Q1 = 7,3 (bảo thủ - cấp tiến), phản ánh tính cấp tiến trong tư duy của họ. Tuy nhiên, trong nhóm các đặc điểm ý chí - tình cảm có O = 4,650 lại thể hiện điểm yếu nhất ở họ chính là sự cứng rắn - nhạy cảm, tức ít có sự nhạy cảm, ít thích nghi với hoàn cảnh mới. Trong quan hệ liên nhân cách, họ không có đặc điểm nào nổi bật so với sinh viên dân tộc khác. Về mặt tự kiểm soát và tự đánh giá, điểm cao ở yếu tố Q3 = 7,750 (tự kiểm soát thấp - tự kiểm soát cao của hành vi) cho thấy, sinh viên dân tộc Nùng luôn tự kiểm soát tốt đối với các hành vi của mình.

** Sinh viên nhóm dân tộc khác*

Đặc điểm tư duy điểm nổi bật là yếu tố M = 7,1 cho thấy, họ luôn hướng đến các giá trị thực tế, và họ cũng rất tự tin bởi đặc

điểm ý chí - tình cảm có O = 7,033. Điểm hạn chế là yếu tố Q4 = 6,833, thể hiện tính linh hoạt chưa cao trong những tình huống, hoàn cảnh khác nhau. Trong quan hệ liên nhân cách, đặc trưng nổi bật ở họ là sự cởi mở. Đặc biệt, nhóm đặc điểm tự kiểm soát và tự đánh giá có G = 9,733 chỉ ra rằng, sinh viên nhóm này luôn thể hiện tốt các chuẩn mực, đồng thời tự đánh giá của họ cũng rất cao.

Điểm hạn chế chung của cả bốn nhóm sinh viên được nghiên cứu trên chính là yếu tố I (cứng rắn - nhạy cảm). Ý chí của sinh viên dân tộc đôi khi chưa thể hiện rõ sự vững vàng, còn dễ dao động. Ngoài ra, sinh viên nhóm dân tộc khác còn có điểm yếu là yếu tố E = 4,83 (lệ thuộc - chủ động) và yếu tố N = 4,80 (trực tính - ngoại giao).

3.2. Kết quả nghiên cứu thể hiện qua phiếu trưng cầu ý kiến

Kết quả nghiên cứu theo phiếu trưng cầu ý kiến thể hiện ở Bảng 2 (xem Bảng 2):

Bảng 2. Kết quả nghiên cứu thực trạng đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người theo phiếu trưng cầu ý kiến

$$(1 \leq \bar{X} \leq 5 \text{ điểm})$$

TT	Kết quả	Điểm trung bình (n = 129)	Độ lệch chuẩn
	Các yếu tố cụ thể		
<i>Các đặc điểm tư duy</i>			
1	Chắc chắn - Thận trọng	3,256	0,447
2	Viển vông	2,568	0,561
3	Tính linh hoạt	3,583	0,460
4	Bảo thủ	2,936	0,449
5	Cấp tiến	3,574	0,437
<i>Tình cảm</i>			
6	Thẳng thắn - Chân thành	3,399	0,478
7	Vị tha	3,830	0,460
8	Nhân hậu	3,611	0,484
9	Niềm tin	3,878	0,366
10	Tình cảm ổn định	3,056	0,470

<i>Ý chí</i>			
11	Tự tin	3,539	0,488
12	Tính kiên trì	3,134	0,467
13	Thực tế	3,450	0,552
14	Cứng rắn - Nhạy cảm	2,476	0,433
15	Quyết đoán	3,428	0,607
<i>Quan hệ liên nhân cách</i>			
16	Cởi mở - thân thiện	3,775	0,364
17	Tích cực giao lưu	3,252	0,473
18	Nhút nhát	3,047	0,564
19	Kín đáo	2,930	0,404
20	Lệ thuộc	2,707	0,490
<i>Tự kiểm soát và tự đánh giá</i>			
21	Thận trọng	3,485	0,446
22	Chuẩn mực cao của hành vi	3,409	0,477
23	Tự khẳng định	3,343	0,516
24	Kỷ luật tự giác	3,661	0,419
25	Dễ tin	3,570	0,459

Qua kết quả được thể hiện ở bảng trên có thể nhận xét đánh giá như sau:

a) Biểu hiện về tư duy

Điểm cao nhất thuộc về đặc điểm: “tính linh hoạt”, $\bar{X} = 3,583$ điểm và “sự cấp tiến” $\bar{X} = 3,574$ điểm. Kết quả đó cho thấy, điểm nổi bật trong tư duy của sinh viên dân tộc ít người là khá linh hoạt, kể cả trong cách ứng xử hàng ngày.

b) Biểu hiện về tình cảm

Kết quả nghiên cứu từ bảng số liệu cho thấy, sinh viên dân tộc ít người giàu tình cảm, luôn thể hiện sự thân thiện, quý mến thầy cô, bạn bè. Trong đó, điểm số cao nhất là đặc điểm: “vị tha” $\bar{X} = 3,830$ điểm và “niềm tin” $\bar{X} = 3,878$ điểm.

c) Biểu hiện về ý chí

Điểm cao nhất thuộc đặc điểm: “tự tin” $\bar{X} = 3,539$ điểm, “thực tế” $\bar{X} = 3,450$ điểm và “quyết đoán” $\bar{X} = 3,428$ điểm. Điều

này thể hiện sự tự tin khá cao ở sinh viên dân tộc ít người. Tuy nhiên, yếu tố cứng rắn - nhạy cảm $\bar{X} = 2,476$ điểm lại nói lên rằng tính cứng rắn chưa cao, chưa thể hiện rõ trong đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người.

d) Biểu hiện trong các mối quan hệ liên nhân cách

Điểm số trung bình của các yếu tố đều tương đối cao, song kết quả cao nhất vẫn thuộc về các yếu tố: “cởi mở - thân thiện” $\bar{X} = 3,775$ điểm và “tích cực giao lưu” $\bar{X} = 3,252$ điểm. Trong khi, điểm hạn chế trong nhóm đặc điểm nhân cách này là yếu tố lệ thuộc $\bar{X} = 2,707$ điểm.

e) Biểu hiện qua khả năng tự kiểm soát và tự đánh giá

Qua kết quả nghiên cứu, điểm trung bình cộng tương đối cao ở cả 5 đặc điểm. Tuy nhiên, điểm trung bình cao nhất là đặc điểm: “kỷ luật - tự giác” $\bar{X} = 3,661$ điểm và đặc điểm “dễ tin” $\bar{X} = 3,57$ điểm.

Từ những nghiên cứu trên cho thấy, sinh viên dân tộc có chỉ số tương đối cao về mặt trí tuệ. Đối với tình cảm, điểm nổi bật ở họ là niềm tin, dễ thông cảm với người khác, thẳng thắn và chân thành. Còn ý chí, họ cũng rất tự tin, thực tế và quyết đoán. Trong quan hệ liên nhân cách, họ là những người cởi mở, thân thiện và luôn tuân thủ các chuẩn mực một cách có ý thức, có trách nhiệm đối với nhóm đặc điểm tự đánh giá, tự kiểm soát. Điểm yếu trong các đặc điểm nhân cách của họ là yếu tố cứng rắn - nhạy cảm và yếu tố lệ thuộc khá cao.

3.3. Kết quả nghiên cứu biểu hiện một số đặc điểm nhân cách của sinh viên dân tộc ít người qua việc giải các bài tập tình huống

Trong quá trình nghiên cứu đã sử dụng 21 tình huống có tính mô phỏng biểu hiện một số đặc điểm nhân cách và yêu cầu sinh viên đưa ra cách lựa chọn. Mỗi bài tập có 4 phương án lựa chọn, trong đó có một phương án phù hợp với bản thân sinh viên được 2 điểm, ít phù hợp được 1 điểm. Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng sau (xem Bảng 3).

Bảng 3. Kết quả chung qua việc giải bài tập tình huống của sinh viên dân tộc ít người

$$(1 \leq \bar{X} \leq 2 \text{ điểm})$$

TT	Nội dung cơ bản của các tình huống	Phương án giải quyết				\bar{X}
		Phù hợp		Ít phù hợp		
		SL	TL%	SL	TL%	
1	Thầy giáo yêu cầu sinh viên trả lời vấn đáp	113	87,6	16	12,4	1,88
2	Đọc thêm các kiến thức liên quan đến bài học	109	84,5	20	15,5	1,85
3	Đọc sách tìm hiểu về văn hóa các dân tộc Hà Giang	108	83,7	21	16,3	1,84
4	Đang giảng bài thầy quay xuống thấy bạn đang mất trật tự	115	89,1	14	10,9	1,89
5	Tự tin phát biểu trước đám đông	115	89,1	14	10,9	1,89
6	Làm hướng dẫn viên cho cả lớp	116	89,9	13	10,1	1,90
7	Học trường chuyên nghiệp khó thật	114	88,4	15	11,6	1,88
8	Khả năng học tập không được tốt như các bạn cùng lớp	118	91,5	11	8,5	1,91
9	Bạn được phân công chủ nhiệm lớp có nhiều học sinh cá biệt	119	92,2	10	7,8	1,92
10	Giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở bạn hay đi học muộn	115	89,1	14	10,9	1,89
11	Một số bạn trong lớp thường trêu đùa bạn	116	89,9	13	10,1	1,90
12	Giáo viên không cho bạn vào lớp	112	86,8	17	13,2	1,87
13	Giáo viên ra bài tập về nhà và làm theo nhóm	114	88,4	15	11,6	1,88
14	Nhà trường tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề	108	83,7	21	16,3	1,84
15	Lời khuyên của bạn dành cho bạn	113	87,6	16	12,4	1,88
16	Thái độ khi đứng trước đám đông	114	88,4	15	11,6	1,88
17	Bạn gặp các thầy cô giáo của nhà trường đi ngược chiều với bạn	120	93,0	9	7,0	1,93
18	Thái độ của bạn khi lớp đạt giải văn nghệ	119	92,2	10	7,8	1,92
19	Tự nhận xét, đánh giá về bản thân	118	91,5	11	8,5	1,91
20	Thực hiện các quy định của nhà trường	119	92,2	10	7,8	1,92
21	Khi giáo viên chủ nhiệm vắng mặt giờ sinh hoạt lớp	120	93,0	9	7,0	1,93

Nhìn chung, kết quả giải bài tập tình huống của sinh viên dân tộc ít người tương đối cao, với điểm trung bình $\bar{X} \geq 1,84$ điểm; thể hiện trong các nhóm đặc điểm: Tư duy, ý chí - tình cảm, quan hệ liên nhân cách và tự kiểm soát - tự đánh giá. Các biểu hiện của tư duy tương đối tốt ($1,84 \leq \bar{X} \leq 1,89$ điểm) từ tình huống 1 đến 4; các biểu hiện của ý chí - tình cảm từ tình huống 5 đến tình huống 10 ($1,88 \leq \bar{X} \leq 1,92$ điểm); các biểu hiện của quan hệ liên nhân cách từ tình huống 11 đến tình huống 17 ($1,84 \leq \bar{X} \leq 1,93$ điểm) và đặc điểm tự kiểm soát - tự đánh giá từ tình huống 18 đến tình huống 21 ($1,91 \leq \bar{X} \leq 1,93$ điểm).

Dựa trên kết quả thu được, có thể rút ra một số đặc trưng cơ bản về đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người qua việc giải các bài tập tình huống sau:

- Đa số sinh viên dân tộc ít người có biểu hiện tốt về mặt trí tuệ, là những người thẳng thắn, thể hiện tính nhân văn, có sự cố kết cộng đồng cao.

- Trong mối quan hệ liên nhân cách, hầu hết họ đều có xu hướng hướng ngoại, thể hiện được sự thân thiện, cởi mở, dễ tin tưởng vào người khác. Họ là những người thẳng thắn trong tính cách và luôn tuân thủ các nguyên tắc một cách có ý thức.

- Khi đánh giá về các mặt hoạt động của bản thân thì họ rất chân thật, luôn đề cao tính chuẩn mực trong hành vi và có sự kiểm soát các hành vi đó một cách đúng đắn.

Để đánh giá chung, có thể nhận định về một số đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người như sau:

+ Điểm mạnh: Tư duy luôn cấp tiến và thực tế, ý chí - tình cảm rất tự tin, quan hệ liên nhân cách có sự cởi mở, có tố chất tình cảm - chuẩn mực cao của hành vi.

+ Điểm hạn chế chung là: Tính cứng rắn - nhạy cảm chưa cao.

+ Cũng qua kết quả nghiên cứu, có nhiều nhân yếu tố ảnh hưởng đến tính cách và khí chất của sinh viên dân tộc ít người. Đối với yếu tố chủ quan: “Văn hóa chung của dân tộc” chiếm đa số ý kiến với 82,95%; “Tính tích cực hoạt động” chiếm 65,12% và vốn hiểu biết với 36,43% ý kiến. Còn yếu tố khách quan: “Truyền thống tâm lý dân tộc” chiếm đa số ý kiến với 89,15%, thấp nhất là “Xu thế hội nhập trong nước và quốc tế” chỉ với 26,36% ý kiến.

4. Những biện pháp tác động và thử nghiệm các biện pháp hình thành một số đặc điểm nhân cách cho sinh viên dân tộc ít người

4.1. Đề xuất một số biện pháp

Từ kết quả nghiên cứu, có thể đưa ra một vài biện pháp nhằm nâng cao những đặc điểm tốt trong nhân cách sinh viên dân tộc ít người, cụ thể như sau:

- *Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của sinh viên dân tộc ít người về các đặc điểm nhân cách.* Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vấn đề nhân cách và phát triển nhân cách, những đặc trưng chính trong nhân cách sinh viên dân tộc ít người.

Cách tiến hành biện pháp: Nhà trường cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú để sinh viên tham gia, đặc biệt là các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa các dân tộc.

Trong các giờ dạy cần phát huy tính tích cực học tập của sinh viên dân tộc ít người, khuyến khích động viên họ tích cực học tập và giao lưu học hỏi để tích lũy ngày thêm nhiều kiến thức.

- *Biện pháp 2: Nâng cao tính tích cực hoạt động và giao tiếp.* Xây dựng các kế hoạch hoạt động cho sinh viên dân tộc ít người, trong đó tập trung phát huy tính tự giác của các cá nhân sinh viên trên cơ sở hoạt động chung của nhóm sinh viên, tập thể lớp, của Đoàn và Hội sinh viên.

Cách tiến hành biện pháp: Trong công tác giáo dục cần đa dạng hóa các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức để các cá nhân sinh viên tự giác tham gia, nhằm hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, những đặc điểm nhân cách tốt cho sinh viên dân tộc ít người.

- *Biện pháp 3: Nhà trường cần tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tập thể để sinh viên dân tộc có điều kiện tham gia,*

đặc biệt là các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa các dân tộc ở địa phương. Tổ chức các hoạt động tập thể là điều kiện để sinh viên có cơ hội tham gia, phát huy và thể hiện các khả năng, năng lực và sở trường của mỗi sinh viên, qua đó còn phát triển tinh thần đoàn kết, học hỏi lẫn nhau giữa các sinh viên đồng và khác dân tộc.

Cách tiến hành biện pháp: Nhà trường cần phát động các cuộc thi tìm hiểu về đặc điểm văn hóa dân tộc, phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động mang tính tập thể, tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện giao lưu học hỏi với các bạn cùng và khác dân tộc.

4.2. Kết quả thử nghiệm một số biện pháp

* *Nhận thức của sinh viên dân tộc ít người về các đặc điểm nhân cách trước khi thử nghiệm được thể hiện ở Bảng 4 (xem Bảng 4)*

Bảng 4. Nhận thức của sinh viên dân tộc ít người về các đặc điểm nhân cách

($1 \leq \bar{X} \leq 3$ điểm)

STT	Đặc điểm nhân cách	Điểm TB	Thứ bậc
1	Tư duy	2,05	4
2	Ý chí - tình cảm	2,15	3
3	Quan hệ liên nhân cách	2,25	2
4	Tự kiểm soát - tự đánh giá	2,30	1
5	Tính cách	1,98	5
6	Khí chất	1,90	6
<i>Các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành nhân cách</i>			
7	Giáo dục của gia đình	2,10	2
8	Văn hóa, truyền thống của dân tộc	2,25	1
9	Giáo dục của nhà trường sư phạm	1,87	3
10	Giáo dục của cộng đồng xã hội	1,45	4

Kết quả trên cho thấy, điểm trung bình cộng các đặc điểm nhân cách tương đối cao $\bar{X} \geq 1,90$ điểm, chứng tỏ sinh viên nhận thức về các đặc điểm nhân cách tương đối tốt. Ngoài ra, họ cũng nhận thức rõ những yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành nhân cách, trong đó yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sinh viên dân tộc ít người là “Văn hóa truyền thống của dân tộc”, $\bar{X} = 2,25$ điểm (thứ bậc 1), yếu tố có ảnh hưởng ít nhất là sự giáo dục của cộng đồng xã hội (thứ bậc 4).

** So sánh kết quả giải bài tập tình huống giao tiếp bộc lộ đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người trước và sau thử nghiệm*

Trước khi tiến hành thử nghiệm đã đo kết quả lần 1, sau thử nghiệm lại đo kết quả lần 2 thông qua việc giải các bài tập tình huống có tính mô phỏng cùng nhóm. Kết quả so sánh hai lần đo được thể hiện ở Bảng 5 (xem Bảng 5).

Bảng 5. So sánh kết quả giải bài tập tình huống giao tiếp bộc lộ đặc điểm nhân cách sinh viên dân tộc ít người trước và sau thử nghiệm

Kết quả CÁC LẦN ĐO	Các biểu hiện về hành vi và cung cách ứng xử								Các biểu hiện ứng xử bằng ngôn ngữ							
	Ứng xử tốt (34-40đ)		Ứng xử khá (26-34đ)		Ứng xử TB (16-25đ)		Ứng xử kém (0-15đ)		Ứng xử tốt (34-40đ)		Ứng xử khá (26-34đ)		Ứng xử TB (16-25đ)		Ứng xử kém (0-15đ)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước thử nghiệm	2	6,67	16	53,33	12	40,0	0	0	3	10,0	15	50,0	12	40,0	0	0
Sau thử nghiệm	5	16,67	19	63,33	7	23,33	0	0	6	20,0	18	60,0	6	20,0	0	0

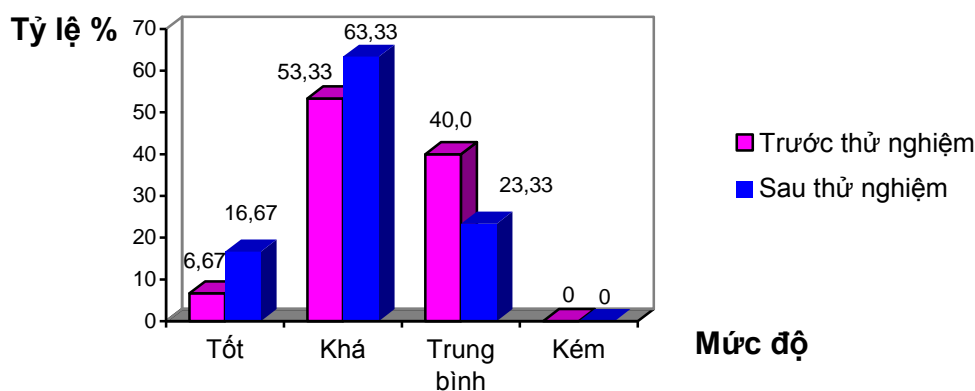
Theo Bảng 5, trước khi thử nghiệm kết quả giải các bài tập tình huống giao tiếp biểu hiện mức độ ứng xử của sinh viên dân tộc ít người chủ yếu ở mức khá (với 53,33%) và mức trung bình (với 40%). Tuy nhiên, sau thử nghiệm, khả năng ứng xử tốt và khá qua biểu hiện cử chỉ hành vi tăng 10%, khả năng ứng xử ở mức độ trung bình giảm từ 40% xuống còn 23,33%.

Việc biểu hiện các đặc điểm nhân cách qua ngôn ngữ, trước và sau thử nghiệm có sự chênh lệch đáng kể. Khả năng ứng xử tốt tăng từ 10% lên 20%, mức độ ứng xử khá tăng từ 50% lên 60%, ứng xử ở mức trung bình giảm từ 40% xuống còn 20%.

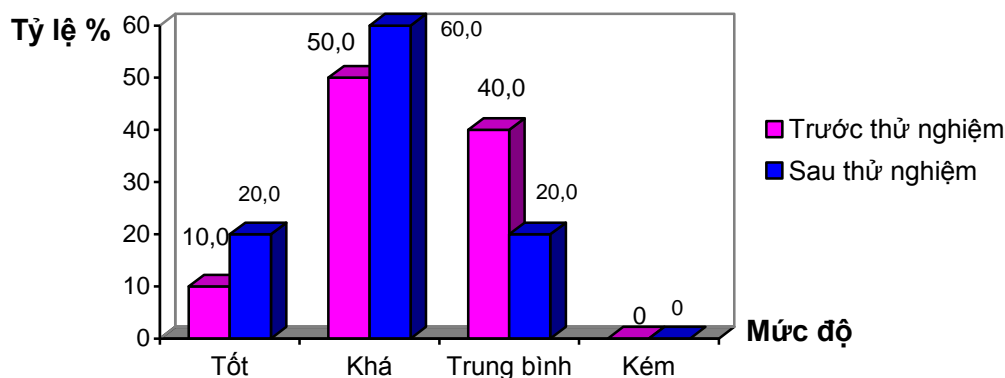
Có thể biểu diễn kết quả trên bằng hai biểu đồ sau đây (xem Biểu đồ 1 và 2):

Rõ ràng, qua kết quả khảo sát lần 1 và lần 2, điểm trung bình thông qua việc giải quyết các bài tập tình huống có tính mô phỏng nhằm tìm hiểu nhận thức và thái độ của sinh viên dân tộc ít người về các đặc điểm nhân cách có thay đổi tích cực. Đối với sinh viên dân tộc ít người, nếu được sự hướng dẫn đúng đắn của nhà trường, với sự phong phú của vốn văn hóa dân tộc, sự tiếp thu các giá trị văn hóa hiện đại... thì đặc điểm nhân cách của họ sẽ có sự phát triển tốt.

Biểu đồ 1. Biểu hiện các đặc điểm nhân cách qua cử chỉ hành vi giao tiếp



Biểu đồ 2. Biểu hiện các đặc điểm nhân cách qua ngôn ngữ giao tiếp



5. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết luận

- Nghiên cứu thực trạng đặc điểm nhân cách theo trắc nghiệm 16 yếu tố của R. B. Cattell chỉ ra rằng, sinh viên dân tộc ít người ở Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang có điểm mạnh về tư duy thực tế và cấp tiến. Họ rất tự tin trong lĩnh vực ý chí - tình cảm, cởi mở đối với đặc điểm quan hệ liên nhân cách, có tố chất tình cảm - chuẩn mực cao của hành vi ở yếu tố tự kiểm soát và tự đánh giá. Tuy nhiên, họ lại yếu trong

các đặc điểm nhân cách liên quan đến các yếu tố cứng rắn, nhạy cảm, trực tính và quan hệ ngoại giao.

- Qua kết quả nghiên cứu từ việc giải các bài tập tình huống giao tiếp, sinh viên các dân tộc ít người có biểu hiện tương đối tốt về trí tuệ. Điểm mạnh về tình cảm, tính cách và quan hệ liên nhân cách là sự thẳng thắn, có kết cộng đồng cao, biết tự đánh giá về bản thân.

- Để phát huy những điểm mạnh trong nhân cách của sinh viên dân tộc ít

người trong bối cảnh hiện nay, có thể áp dụng 3 biện pháp để tác động. Đó là các biện pháp: *nâng cao nhận thức về các đặc điểm nhân cách; nâng cao tính tích cực hoạt động và giao tiếp; tổ chức nhiều hoạt động tập thể để sinh viên dân tộc có điều kiện tham gia, đặc biệt là các hoạt động dành cho sinh viên dân tộc ít người, các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa các dân tộc...* Các biện pháp này rất cần thiết, đã được thể hiện rõ qua kết quả khảo nghiệm nhận thức của các khách thể về mức độ cần thiết và mức độ khả thi, cũng như mối tương quan giữa hai mức độ này rất chặt chẽ.

5.2. Một số đề xuất

** Đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang*

Nhà trường cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú để thu hút sinh viên tham gia. Việc giảng dạy phải lồng ghép với các hoạt động giáo dục đa dạng, kích thích tính tích cực ở mỗi sinh viên. Có hình thức thích hợp và thường xuyên khuyến khích sinh viên tìm hiểu và phổ biến những đặc trưng văn hóa các dân tộc.

** Đối với gia đình, địa phương*

Gia đình sinh viên, địa phương cần thường xuyên giáo dục, hướng dẫn cho sinh viên nắm được truyền thống, tâm lý của dân tộc. Có những hình thức khuyến khích sinh viên vận dụng những đặc điểm nhân cách cụ thể vào học tập, giao tiếp cũng như trong cuộc sống.

** Đối với sinh viên*

- *Tập thể sinh viên*: Cần thành lập các câu lạc bộ sinh viên theo các dân tộc, các nhóm sinh viên dân tộc khác nhau để qua đó cùng nhau trao đổi, thảo luận về các

vấn đề liên quan đặc điểm nhân cách, văn hóa đặc trưng từng dân tộc...

- *Mỗi sinh viên*: Cần ý thức rõ về vai trò và trách nhiệm của mình, không ngừng tự phấn đấu tu dưỡng cho phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội.

Sinh viên cần tích cực tham gia các hoạt động tập thể của lớp, của trường. Đồng thời, chủ động đóng góp ý kiến với lớp, với trường về các hành vi tiêu cực, các biểu hiện lệch lạc trong sinh viên hiện nay.

** Đối với việc nghiên cứu đặc điểm nhân cách của sinh viên dân tộc ít người*

Cần tiến hành nhiều nghiên cứu và chuyên sâu hơn về đặc điểm nhân cách của sinh viên dân tộc ít người nhằm đóng góp thêm tư liệu mới, làm căn cứ giảng dạy và giáo dục có hiệu quả hơn cho nhóm sinh viên này.

Tài liệu tham khảo

1. Cattell R. B. (1983), *Structured personality learning theory*, New York: Praeger.
2. Vũ Dũng (Chủ biên) (2000), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Eysenck H. J. (1970), *The structure of human personality*, London.
4. Lêônchiev A. N. (1989), (Người dịch: Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Phạm Huy Châu), *Hoạt động ý thức nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đào Thị Oanh (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên) (1998), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.